ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 28 /2021/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Văn bản số 1234/SXD-QLHĐXD ngày 18/5/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 192/BC-STP ngày 14/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; bãi

bỏ Điều 12 Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, thực hiện dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Các quy định trước đây của UBND tỉnh trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng TT điện tử Chính phủ;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, XD_1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Trọng Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp một số nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ PHÂN CẤP CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh

Thống nhất quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 15/2021/NĐ-CP) và khoản 4, khoản 5 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP) đối với các công trình, dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh. Giao các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) và UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) thực hiện các nội dung tại Quy định này.

Điều 4. Sở Xây dựng

Thẩm định và quản lý chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và đường bộ trong đô thị (trừ đường quốc lộ qua đô thị), cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ; thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối dự án đầu tư xây dựng do UBND tỉnh quyết định đầu tư; trừ công trình,dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; trừ công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác thẩm định, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng và quản lý chi phí đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cấp xã và các chủ thể tham gia xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng công trình; kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình khi cần thiết.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này; trừ sự cố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình xây dựng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này.

d) Tham mưu UBND tỉnh ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền về công tác thẩm định, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

đ) Cập nhật thông tin về công tác thẩm định, quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng.

Điều 5. Sở Giao thông vận tải

Thẩm định và quản lý chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; trừ công trình do Sở Xây dựng quản lý tại Điều 4 Quy định này, cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ; thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối dự án đầu tư xây dựng do UBND tỉnh quyết định đầu tư; trừ công trình, dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; trừ công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này; tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành và an toàn trong thi công xây dựng công trình khi cần thiết.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này; trừ sự cố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình xây dựng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này.

d) Cập nhật thông tin về công tác thẩm định, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo về Sở Xây dựng.

Điều 6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thẩm định và quản lý chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ; thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối dự án đầu tư xây dựng do UBND tỉnh quyết định đầu tư; trừ công trình, dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; trừ công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này; tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình khi cần thiết.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này; trừ sự cố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình xây dựng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này.

d) Cập nhật thông tin về công tác thẩm định, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo về Sở Xây dựng.

Điều 7. Sở Công thương

Thẩm định và quản lý chất lượng các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp, trừ công trình do Sở Xây dựng quản lý tại Điều 4 Quy định này, cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ; thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối dự án đầu tư xây dựng do UBND tỉnh quyết định đầu tư; trừ công trình, dự án được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; trừ công trình quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4, Quy định này; tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình khi cần thiết.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, trừ các công trình quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này; trừ sự cố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và công trình xây dựng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 9 Quy định này.

d) Cập nhật thông tin về công tác thẩm định, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo về Sở Xây dựng.

Điều 8. Ban Quản lý khu Kinh tế tỉnh

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, thẩm định và quản lý chất lượng các công trình xây dựng do các Sở xây dựng chuyên ngành quản lý theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quy định này đối với các công trình, dự án do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quyết định đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư được xây dựng trên địa bàn được giao quản lý. Cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm b các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5, khoản 6 Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ; thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối với các dự án đầu tư xây dựng do UBND tỉnh quyết định đầu tư.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

a) Quản lý chất lượng chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp tại khoản 1 Điều này.

b) Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Chịu trách nhiệm giải quyết sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành theo phân cấp tại khoản 1 Điều này; trừ sự cố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Quy định này; tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình khi cần thiết.

đ) Cập nhật thông tin về công tác thẩm định, quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo về Sở Xây dựng.

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phòng có chức năng quản lý về xây dựng thuộc UBND cấp huyện thẩm định và quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quy định này, cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định: Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng (không bao gồm tiền sử dụng đất) do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

2. Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng

a) Tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đối với các công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Chịu trách nhiệm giải quyết sự cố công trình xây dựng cấp III và sự cố cấp III theo phân cấp tại khoản 1 Điều này; trừ sự cố quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định tại điểm b khoản 2 các Điều 4, 5, 6, 7 Quy định này; tổ chức kiểm tra chất lượng các công trình xây dựng và an toàn trong thi công xây dựng công trình khi cần thiết.

đ) Cập nhật thông tin về công tác thẩm định theo phân cấp, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo về Sở Xây dựng.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân cấp xã quản lý chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Quy định này. Cụ thể như sau:

1. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và cơ quan được giao quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện trong công tác kiểm tra, thanh tra theo quy định tại điểm b khoản 2 các Điều 4, 5, 6, 7.

2. Cập nhật thông tin về công tác quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình xây dựng theo định kỳ, hàng năm, tổng hợp báo cáo về UBND cấp huyện và Sở Xây dựng.

Điều 11. Phê duyệt dự án, quyết định đầu tư và điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

Thực hiện theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm định điều chỉnh và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở cơ sở

Thực hiện theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 13. Cơ quan cấp phát, thanh quyết toán vốn đầu tư xây dựng

1. Thực hiện việc cấp phát thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công và vốn ngoài đầu tư công khi đã thực hiện việc thẩm định, quản lý dự án, thi công xây dựng công trình và nghiệm thu theo các quy định hiện hành và Quy định này.

2. Từ chối thanh toán, quyết toán các khối lượng khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về chất lượng xây dựng phát hiện có sai phạm hoặc chủ

đầu tư không thực hiện thẩm định, quản lý dự án và công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo Quy định này.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định của nhà nước và UBND tỉnh.

ChươngIII
QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 14. Lựa chọn hình thức quản lý dự án

1. Theo khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, người quyết định đầu tư lựa chọn hình thức quản lý dự án quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, cụ thể như sau:

a) Đối với cấp tỉnh: Người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư khu vực (sau đây gọi là Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực) thực hiện quản lý các dự án do mình quyết định đầu tư trên cơ sở số lượng, tiến độ thực hiện các dự án cùng một chuyên ngành, cùng một hướng tuyến, trong một khu vực hành chính hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án và điều kiện thực hiện dự án đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư có thể lựa chọn các hình thức quản lý dự án khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Đối với cấp huyện: Người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án khu vực do mình thành lập để thực hiện quản lý dự án do mình quyết định đầu tư trên cơ sở số lượng, tiến độ thực hiện các dự án cùng một chuyên ngành, cùng một hướng tuyến, trong một khu vực hành chính hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án và điều kiện thực hiện dự án đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư có thể lựa chọn các hình thức quản lý dự án khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

c) Đối với cấp xã: Căn cứ quy mô, tính chất của dự án và điều kiện thực hiện dự án đầu tư xây dựng, người quyết định đầu tư lựa chọn các hình thức quản lý dự án theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đối với dự án do mình quyết định đầu tư. Người quyết định đầu tư có thể đề nghị Ban quản lý dự án khu vực để thực hiện quản lý dự án.

2. Đối dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công hoặc vốn khác, hình thức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Đối dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, hình thức tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

4. Đối dự án PPP, hình thức quản lý dự án thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Điều 15. Về hình thức giao Ban quản lý dự án chuyên ngành hoặc Ban quản lý khu vực khu vực quản lý dự án

1.Trường hợp người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực làm chủ đầu tư và thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 69 Luật Xây dựng năm 2014.

2. Trường hợp người quyết định đầu tư giao cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư mà cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư có Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực trực thuộc thì người quyết định đầu tư áp dụng hình thức chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Trường hợp người quyết định đầu tư giao cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư mà cơ quan, đơn vị được giao làm chủ đầu tư không có Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực trực thuộc thì người quyết định đầu tư giao Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực trực thuộc người quyết định đầu tư thực hiện quản lý dự án hoặc lựa chọn hình thức chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP. Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị thực hiện quản lý dự án thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung quản lý dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xây dựng năm 2014 thông qua hợp đồng theo quy định hoặc theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 16. Tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư khu vực

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, người quyết định đầu tư thành lập Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực, quyết định về số lượng, chức năng , nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các ban này để quản lý dự án phù hợp với yêu cầu quản lý và điều kiện cụ thể của dự án.

2. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, thẩm quyền thành lập và tổ chức hoạt động của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực được quy định như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh, cấp huyện thành lập Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực để giao làm chủ đầu tư một số dự án và thực hiện quản lý đồng thời nhiều dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

b) Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định tại điểm a khoản này là đơn vị sự nghiệp công lập. Cơ cấu, tổ chức và quy chế hoạt động của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý khu vực theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 21 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Xử lý chuyển tiếp

Các nội dung về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 110 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, một số nội dung cụ thể như sau:

1. Công tác thẩm định:

a) Đối với dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thông báo kết quả thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Quy định này, việc thực hiện các bước tiếp theo (bao gồm cả việc điều chỉnh dự án, thiết kế xây dựng) thực hiện theo Quy định này.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định dự án, thiết kế cơ sở theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp tục thực hiện theo quy định của Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND.

c) Đối với dự án lập Báo cáo kinh tế- kỹ thuật đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo kinh tế- kỹ thuật (bao gồm cả việc điều chỉnh dự án, thiết kế xây dựng) theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND nhưng chưa có thông báo kết quả thẩm định trước ngày Quy định này có hiệu lực thì việc thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND.

d) Đối với dự án lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND nhưng phải điều chỉnh dự án, thiết kế xây dựng được thực hiện theo Quy định này.

2. Tổ chức quản lý dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 110 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng:

a) Đối với công trình xây dựng đã trình cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND nhưng chưa có thông báo kết quả nghiệm thu thì việc kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp tục thực hiện theo quy định của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND.

b) Đối với công trình xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định tại Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND nhưng chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định dự án là cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc người quyết định đầu tư thì cơ quan này có trách nhiệm

tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt dự án; các trường hợp còn lại do người quyết định đầu tư xem xét, giao cho cơ quan chuyên môn trực thuộc tổng hợp kết quả thẩm định và trình phê duyệt.

2. Các cơ quan chuyên môn về xây dựng có trách nhiệm tổ chức niêm yết công khai và công bố thủ tục hành chính về quy trình công tác thẩm định và kiểm tra công tác nghiệm thu theo chuyên ngành quản lý theo đúng quy định hiện hành.

3. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý về công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng gửi về Sở Xây dựng trong 05 ngày đầu tiên của Quý tiếp theo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc phổ biến pháp luật về công tác thẩm định, quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình xây dựng; tổ chức các đợt kiểm tra quản lý nhà nước về công tác thẩm định, quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định đối với phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cấp xã và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Đồng thời công bố công khai danh sách những tổ chức và cá nhân vi phạm về hoạt động xây dựng trên địa bàn.

5. Chủ tịch UBND thành phố, thị xã, huyện, xã và Trưởng ban quản lý Khu kinh tế tỉnh chịu trách nhiệm về công tác thẩm định, tổ chức quản lý dự án và quản lý chất lượng công trình của các phòng chuyên môn, phòng chức năng thuộc mình quản lý theo quy định tại Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH